

UBND XÃ THÁI THỤY
BAN CHẤM BÀI KHẢO SÁT

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ BÀI KHẢO SÁT NĂNG LỰC HỌC SINH LỚP 7
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
1	1	Vũ An An	THCS Diêm Điền	7	Ngữ văn	7.75	
2	2	Đào Linh An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.25	
3	3	Nguyễn Bảo An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.00	
4	4	Ngô Thị Khánh An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.50	
5	5	Tạ Ngọc Bảo An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.00	
6	6	Nguyễn Bảo An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.00	
7	7	Đặng Ngọc Bảo Anh	THCS Diêm Điền	7	Ngữ văn	10.00	
8	8	Bùi Quỳnh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	14.00	
9	9	Tạ Quỳnh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	11.50	
10	10	Đào Quỳnh Anh	TH&THCS Thụy Lương	7	Ngữ văn	10.00	
11	11	Nguyễn Trâm Anh	TH&THCS Thụy Bình	7	Ngữ văn	14.00	
12	12	Tạ Thị Mai Anh	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	7.50	
13	13	Trần Hoài Anh	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	7.00	
14	14	Phan Bùi Minh Ánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	12.00	
15	15	Nguyễn Vũ Thủy Bích	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.00	
16	16	Nguyễn Lê Bảo Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	17.00	
17	17	Mai Nguyễn Ánh Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.25	
18	18	Nguyễn Ánh Dương	TH&THCS Thụy Bình	7	Ngữ văn	10.75	
19	19	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.50	
20	20	Nguyễn Bảo Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	11.00	
21	21	Vũ Thu Hằng	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	10.50	
22	22	Tạ Hoàng Gia Hưng	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	4.25	
23	23	Trần Thị Mai Hương	TH&THCS Thụy Lương	7	Ngữ văn	10.50	
24	24	Nguyễn Ngọc Huyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.00	
25	25	Vũ Ngọc Huyền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	12.50	
26	26	Vũ Thị Vân Khánh	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	7.50	
27	27	Nguyễn Thư Lê	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	15.50	
28	28	Nguyễn Thùy Linh	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	11.00	
29	29	Bùi Nhật Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.50	
30	30	Bùi Thùy Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	15.50	
31	31	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	14.00	
32	32	Bùi Thị Hương Mai	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	8.00	
33	33	Phạm Phúc Ngọc Minh	TH&THCS Thụy Bình	7	Ngữ văn	12.00	
34	34	Vũ Hồng Minh	TH&THCS Thụy Trình	7	Ngữ văn	8.25	
35	35	Đỗ Giang Huyền My	TH&THCS Thụy Hà	7	Ngữ văn	10.50	
36	36	Hoàng Bảo Nga	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	14.75	
37	37	Bùi Hồng Ngọc	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	7.75	
38	38	Nguyễn Vi Khánh Ngọc	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	6.75	
39	39	Đặng Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.00	
40	40	Nguyễn Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	12.50	
41	41	Dương Uyển Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	11.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
42	42	Lê Giang Tuyết Nhi	TH&THCS Thụy Lương	7	Ngữ văn	8.75	
43	43	Lê Ngọc Phú	TH&THCS Thụy Hà	7	Ngữ văn	10.00	
44	44	Lê Vũ Gia Quyên	THCS Diêm Điền	7	Ngữ văn	11.00	
45	45	Nguyễn Bảo Quyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	15.50	
46	46	Hoàng Bảo Quyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	13.75	
47	47	Lưu Thị Mai Thanh	THCS Thụy Liên	7	Ngữ văn	10.00	
48	48	Nguyễn Anh Thơ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	10.75	
49	49	Phạm Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	12.00	
50	50	Lê Thị Anh Thư	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	7.50	
51	51	Lê Thùy Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	14.50	
52	52	Bùi Thị An Trinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	14.00	
53	53	Lê Thanh Trúc	TH&THCS Thụy Lương	7	Ngữ văn	11.00	
54	54	Nguyễn Thị Tươi	TH&THCS Thụy Hải	7	Ngữ văn	6.25	
55	55	Ngô Thị Ánh Tuyết	TH&THCS Thụy Hà	7	Ngữ văn	10.00	
56	56	Bùi Lâm Nhật Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	15.00	
57	57	Đoàn Trúc Vy	TH&THCS Thụy Lương	7	Ngữ văn	10.00	
58	58	Phạm Ngọc Yên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Ngữ văn	16.00	
59	59	Đoàn Khải An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
60	60	Nguyễn Phúc An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.25	
61	61	Vũ Diệu Anh	THCS Diêm Điền	7	Toán	9.25	
62	62	Đỗ Phương Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.00	
63	63	Hoàng Thị Tâm Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.00	
64	64	Nguyễn Đình Khải Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.25	
65	65	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.00	
66	66	Nguyễn Tùng Minh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.00	
67	67	Phạm Thị Hải Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.75	
68	68	Phạm Việt Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	8.50	
69	69	Trần Bảo Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
70	70	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.00	
71	71	Vũ Gia Bảo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.75	
72	72	Vũ Bá Gia Bảo	TH&THCS Thụy Hải	7	Toán	14.75	
73	73	Bùi Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.25	
74	74	Ngô Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.25	
75	75	Vũ Bảo Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.75	
76	76	Vũ Minh Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
77	77	Nguyễn Bảo Chi	THCS Thụy Liên	7	Toán	10.50	
78	78	Nguyễn Quỳnh Chi	THCS Diêm Điền	7	Toán	12.25	
79	79	Vũ Khánh Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.00	
80	80	Vũ Văn Chiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.50	
81	81	Vũ Thị Thuý Dung	THCS Diêm Điền	7	Toán	12.00	
82	82	Bùi Trung Dũng	THCS Diêm Điền	7	Toán	10.25	
83	83	Giang Văn Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.25	
84	84	Tô Đức Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.75	
85	85	Đinh Ngọc Dũng	TH&THCS Thụy Bình	7	Toán	14.00	
86	86	Vũ Lê Duy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
87	87	Phạm Thị Hồng Duyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.00	
88	88	Lê Ngọc Diệp	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
89	89	Đào Thị Ánh Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.75	
90	90	Hoàng Ánh Thủy Dương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.50	
91	91	Đào Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.50	
92	92	Lê Quang Đạo	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.50	
93	93	Phạm Thành Đạt	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.25	
94	94	Trịnh Phú Đạt	TH&THCS Thụy Bình	7	Toán	6.25	
95	95	Trần Minh Đức	THCS Diêm Điền	7	Toán	10.00	
96	96	Lê Anh Đức	THCS Diêm Điền	7	Toán	12.00	
97	97	Phan Trần Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.25	
98	98	Đinh Hương Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
99	99	Đỗ Ngọc Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.25	
100	100	Hoàng Ngọc Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.75	
101	101	Tô Minh Hải	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.00	
102	102	Nguyễn Minh Hiền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.75	
103	103	Lê Ngọc Hiền	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
104	104	Bùi Văn Hiếu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.75	
105	105	Nguyễn Đức Hiếu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
106	106	Nguyễn Minh Hiếu	TH&THCS Thụy Trình	7	Toán	13.25	
107	107	Nguyễn Việt Hoàng	THCS Diêm Điền	7	Toán	11.00	
108	108	Phạm Phúc Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.25	
109	109	Lê Hữu Việt Hoàng	TH&THCS Thụy Lương	7	Toán	11.25	
110	110	Hoàng Phi Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.50	
111	111	Nguyễn Văn Hùng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.25	
112	112	Đinh Xuân Trung Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.25	
113	113	Nguyễn Thị Lan Hương	THCS Diêm Điền	7	Toán	14.50	
114	114	Bùi Thiên Hương	THCS Diêm Điền	7	Toán	6.25	
115	115	Bùi Quốc Huy	THCS Diêm Điền	7	Toán	6.00	
116	116	Bùi Minh Huy	TH&THCS Thụy Bình	7	Toán	14.00	
117	117	Nguyễn Gia Huy	TH&THCS Thụy Trình	7	Toán	10.25	
118	118	Vũ Hữu Khiêm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.75	
119	119	Vũ Đức Khoa	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.50	
120	120	Đào Tuấn Khôi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
121	121	Đoàn Trọng Khôi	TH&THCS Thụy Hải	7	Toán	17.50	
122	122	Phạm Đỗ Tuyết Kỳ	TH&THCS Thụy Hải	7	Toán	18.25	
123	123	Bùi Cao Lâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.75	
124	124	Nguyễn Minh Lâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.75	
125	125	Nguyễn Bảo Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
126	126	Nguyễn Khánh Linh	TH&THCS Thụy Hải	7	Toán	15.25	
127	127	Bùi Khánh Linh A	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.00	
128	128	Bùi Khánh Linh B	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.25	
129	129	Vũ Việt Long	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.50	
130	130	Nguyễn Phương Mai	THCS Thụy Liên	7	Toán	7.75	
131	131	Nguyễn Ban Mai	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
132	132	Nguyễn Ngọc Xuân Mai	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.25	
133	133	Phạm Nguyễn Ngọc Mai	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.00	
134	134	Đào Quang Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.00	
135	135	Đỗ Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
136	136	Phạm Công Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.00	
137	137	Trần Quang Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.50	
138	138	Lê Hữu Bình Minh	TH&THCS Thụy Lương	7	Toán	14.75	
139	139	Phí Trà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
140	140	Nguyễn Trà My	TH&THCS Thụy Lương	7	Toán	16.50	
141	141	Đỗ Bảo Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
142	142	Đỗ Hải Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
143	143	Nguyễn Bảo Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.00	
144	144	Phan Bảo Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
145	145	Nguyễn Thanh Ngoan	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.25	
146	146	Bùi Ánh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.75	
147	147	Bùi Thị Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.50	
148	148	Nguyễn Quang Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.75	
149	149	Lê Tất Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.75	
150	150	Hoàng Thị Thanh Nhân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.75	
151	151	Lâm Hải Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.25	
152	152	Phạm Thảo Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
153	153	Nguyễn Hồng Nhung	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.25	
154	154	Đỗ Đức Nhật Ninh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.50	
155	155	Vũ Đình Phát	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	12.00	
156	156	Nguyễn Đình Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
157	157	Nguyễn Thiệu Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	10.00	
158	158	Nguyễn Viết Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.00	
159	159	Vũ Nam Phong	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.50	
160	160	Phan Văn Phú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.75	
161	161	Trần Xuân Phú	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	8.50	
162	162	Bùi Trường Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	10.25	
163	163	Hà Minh Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.00	
164	164	Nguyễn Bảo Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.00	
165	165	Nguyễn Duy Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	11.50	
166	166	Nguyễn Minh Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.50	
167	167	Nguyễn Minh Phúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.75	
168	168	Đỗ Vũ Minh Quân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	7.50	
169	169	Tô Nhật Quang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
170	170	Vũ Hữu Thái Sơn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
171	171	Lê Đức Tài	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.00	
172	172	Phạm Ngọc Thái	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.25	
173	173	Vũ Hữu Thái	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.00	
174	174	Lê Đức Thắng	TH&THCS Thụy Hà	7	Toán	13.00	
175	175	Vũ Tiến Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
176	176	Phạm Hà Anh Thư	THCS Diêm Điền	7	Toán	8.75	
177	177	Nguyễn Ngọc Thuận	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	14.75	
178	178	Nguyễn Thị Thu Thùy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.00	
179	179	Nguyễn Đức Tiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.50	
180	180	Vũ Nhật Tiến	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.00	
181	181	Nguyễn Bảo Trâm	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.00	
182	182	Phạm Lê Bảo Trân	TH&THCS Thụy Trình	7	Toán	14.00	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
183	183	Lê Thị Bảo Trinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	15.75	
184	184	Lê Thị Kiều Trinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	19.25	
185	185	Trần Thị Ngọc Trinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.25	
186	186	Bùi Thanh Trúc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	17.00	
187	187	Nguyễn Văn Nhật Trường	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	18.75	
188	188	Chu Minh Tuấn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	9.75	
189	189	Nguyễn Anh Tuấn	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	13.50	
190	190	Nguyễn Đình Đức Tuệ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	10.00	
191	191	Nguyễn Quang Vinh	THCS Thụy Liên	7	Toán	12.25	
192	192	Phạm Anh Vũ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Toán	16.75	
193	193	Hoàng Văn Phúc An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
194	194	Phạm Hoàng Hải An	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.25	
195	195	Bùi Nguyễn Huyền Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.25	
196	196	Mai Ngọc Phương Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
197	197	Phạm Hùng Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.25	
198	198	Phạm Quỳnh Anh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.00	
199	199	Bùi Ry Bank	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	16.25	
200	200	Nguyễn Vũ Gia Bảo	TH&THCS Thụy Bình	7	Tiếng Anh	8.25	
201	201	Vũ Bảo Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.00	
202	202	Vũ Ngọc Bảo Châu	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
203	203	Lê Ngọc Bảo Châu	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	15.75	
204	204	Nguyễn Thảo Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.25	
205	205	Nguyễn Thảo Chi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.50	
206	206	Tô Phương Chi	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	16.00	
207	207	Tạ Minh Chi	TH&THCS Thụy Trình	7	Tiếng Anh	15.50	
208	208	Vũ Hải Đăng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.75	
209	209	Tô Minh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
210	210	Vũ Minh Đức	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.00	
211	211	Nguyễn Ngọc Dũng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.00	
212	212	Nguyễn Quang Dũng	TH&THCS Thụy Trình	7	Tiếng Anh	16.25	
213	213	Vũ Thùy Dương	TH&THCS Thụy Hải	7	Tiếng Anh	15.25	
214	214	Đỗ Đức Duy	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	14.25	
215	215	Phạm Hương Giang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.00	
216	216	Lê Thanh Hà	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	16.50	
217	217	Nguyễn Ngọc Hà	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	16.00	
218	218	Nguyễn Thanh Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
219	219	Vũ Ngân Hà	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
220	220	Bùi Ngọc Bảo Hân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.00	
221	221	Lê Minh Hoàng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.75	
222	222	Trần Thịnh Hưng	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	17.25	
223	223	Ngô Việt Hưng	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	14.50	
224	224	Nguyễn Lê Vân Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.50	
225	225	Phạm Bùi Vân Khánh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.50	
226	226	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	13.75	
227	227	Đoàn Phương Kim	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
228	228	Phạm Hà Linh	TH&THCS Thụy Hà	7	Tiếng Anh	10.75	
229	229	Trần Tuệ Linh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.50	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
230	230	Phạm Hương Linh	TH&THCS Thụy Hải	7	Tiếng Anh	12.50	
231	231	Đinh Tuyết Mai	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.50	
232	232	Lê Đức Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	11.50	
233	233	Lê Nhật Minh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.75	
234	234	Ngô Lê Thảo My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.25	
235	235	Nguyễn Trà My	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	14.50	
236	236	Hoàng Ngọc Thiện Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.25	
237	237	Lê Việt Nam	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
238	238	Lê Thanh Ngân	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	13.75	
239	239	Nguyễn Thị Kim Ngân	TH&THCS Thụy Hải	7	Tiếng Anh	14.00	
240	240	Đào Minh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
241	241	Nguyễn Minh Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.25	
242	242	Phạm Như Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
243	243	Lê Khánh Ngọc	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	9.00	
244	244	Bùi Hoàng Thảo Nguyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	15.75	
245	245	Nguyễn Phạm Nguyên	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	14.25	
246	246	Phạm Khôi Nguyên	TH&THCS Thụy Trình	7	Tiếng Anh	10.25	
247	247	Đỗ An Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.00	
248	248	Tạ Nguyên Nhi	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.25	
249	249	Bùi Thảo Nhi	TH&THCS Thụy Trình	7	Tiếng Anh	8.25	
250	250	Cao Trang Nhung	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.00	
251	251	Nguyễn Đồng Phúc	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	16.25	
252	252	Nguyễn Duy Phúc	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	13.00	
253	253	Nguyễn Hoàng Phương	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.00	
254	254	Lê Thị Yến Phương	TH&THCS Thụy Lương	7	Tiếng Anh	14.00	
255	255	Phạm Thu Phương	TH&THCS Thụy Bình	7	Tiếng Anh	9.50	
256	256	Phan Thị Hà Phương	TH&THCS Thụy Bình	7	Tiếng Anh	16.00	
257	257	Hoàng Thanh Quý	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	15.25	
258	258	Trịnh Bảo Quyên	TH&THCS Thụy Hải	7	Tiếng Anh	17.75	
259	259	Nguyễn Tất Việt Thanh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.75	
260	260	Nguyễn Trần Chí Thành	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	10.75	
261	261	Nguyễn Cẩm Thư	TH&THCS Thụy Hà	7	Tiếng Anh	12.00	
262	262	Nguyễn Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
263	263	Nguyễn Anh Thư	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.75	
264	264	Đỗ Thùy Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.75	
265	265	Nguyễn Vũ Mai Trang	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.00	
266	266	Đặng Nguyễn Ngọc Trinh	THCS Thụy Liên	7	Tiếng Anh	13.25	
267	267	Bùi Thành Trung	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.00	
268	268	Phạm Thành Trung	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	15.50	
269	269	Nguyễn Minh Tuệ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	18.50	
270	270	Nguyễn Nhã Uyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	8.75	
271	271	Nguyễn Phương Uyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.00	
272	272	Trần Nhã Uyên	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.25	
273	273	Mai Thanh Vân	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.00	
274	274	Vũ Cẩm Vân	TH&THCS Thụy Trình	7	Tiếng Anh	9.25	
275	275	Đặng Đình Vinh	THCS Thụy Liên	7	Tiếng Anh	7.50	
276	276	Nguyễn Vũ Quang Vinh	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	15.75	

TT	SBD	Họ và tên	Trường	Khối	Môn KS	Điểm	Ghi chú
277	277	Nguyễn Đình Vũ	THCS Diêm Điền	7	Tiếng Anh	16.75	
278	278	Nguyễn Duy Vũ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	16.75	
279	279	Bùi Hà Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	17.50	
280	280	Lê Thảo Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	19.25	
281	281	Tạ Bùi Hà Vy	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7	Tiếng Anh	14.00	